

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY DUY LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY DUY LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUY LONG FIRE PREVENTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108862375

**3. Ngày thành lập:** 12/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tuân Lễ, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229        |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4291        |
| 11. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4292        |
| 12. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4293        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4299        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng | 4329(Chính) |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                              | 7110        |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Giám sát thi công thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 280.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THANH BÌNH    | Thôn Tả Phụ, Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 14.000     | 140.000.000           | 5,000     | 0340890085<br>85                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 14.000     | 140.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG ĐỨC THƯỢNG | Thôn 3, Xã Giang Biên, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 14.000     | 140.000.000           | 5,000     | 0310950009<br>58                                                                            |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 14.000     | 140.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                       |                           |         |               |        |              |  |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | NGÔ VĂN DUY  | Thôn Linh Đông 1, Xã Tiên Phong, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 142.800 | 1.428.000.000 | 51,000 | 031054843    |  |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Tổng số                   | 142.800 | 1.428.000.000 | 51,000 |              |  |
|   |              |                                                                                       |                           |         |               |        |              |  |
| 4 | VŨ THU HƯƠNG | P219 Tập Thể C1 Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 109.200 | 1.092.000.000 | 39,000 | 001196011243 |  |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                       | Tổng số                   | 109.200 | 1.092.000.000 | 39,000 |              |  |
|   |              |                                                                                       |                           |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/08/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001196011243

Ngày cấp: 28/03/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P219 Tập Thể C1 Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P219 Tập Thể C1 Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội